TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 237/2019/QĐST-HNGĐ	*Đông Anh, ngày 28 tháng 06 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 308/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc dân sự:

- Bà ***Phạm Thị H*** - Sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ 17, thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

- Ông ***Nguyễn Đức H1*** - Sinh năm 1963, địa chỉ: Tổ 11, thị trấn ĐA, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ Biên bản H giải đoàn tụ không thành ngày 20/6/2019, Biên bản thuận tình ly hôn ngày 20/6/2019 và Đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của bà Phan Thị H và ông Nguyễn Đức H1 ngày 20/6/2019:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức H1 và Bà Phạm Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 24/02/1990 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống cùng nhau tại tổ 11 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng ông, bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống. Mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt nên ông H1, bà H sống ly thân với nhau đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông H1, bà H thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: ông H1, bà H có 02 con chung là: anh Nguyễn Quang H3 (sinh ngày 28/5/1991) và anh Nguyễn Huy H4 (Sinh ngày 25/6/1994). Các con chung của ông bà hiện nay đã thành niên, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự vì vậy ông H1, bà H không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung là phù hợp với

quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: ông H1, bà H cùng thống nhất ý kiến xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí Tòa án: ông H1, bà H thống nhất để bà H chịu toàn bộ lệ phí là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông H1, bà H.
- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H1, bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H1, bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông H1 và bà H để bà H chịu toàn bộ lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008620 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Bà H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Đông Anh;
- Toà án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND thị trấn ĐA,
huyện Đông Anh, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Minh Cường.